**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**THÀNH PHỐ K**
**TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2020/HS-ST.
Ngày: 31/12/2020.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trương Duy Cảnh và bà Chế Thị Mai.

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Hương Duyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố K tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 31/12/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố K - tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2020/TLST - HS ngày 20/11/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

**Trần Đình Đ,** sinh năm 1974 tại Quảng Nam; nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 9, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình C và bà Lê Thị H (đều đã chết); Tiền sự: Không.

Tiền án: 05 tiền án đều chưa được xóa án tích, cụ thể:

1/ Năm 1994 bị Tòa án nhân dân huyện KrôngBuk (nay là thị xã B), tỉnh Đ xử phạt 09 tháng tù về các tội "Trộm cắp T sản" và tội "Trốn khỏi nơi giam";

2/ Năm 1996 bị Tòa án nhân dân huyện KrôngBuk (nay là thị xã B), tỉnh Đ xử phạt 18 tháng tù về các tội "Trộm cắp T sản" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản";

3/ Năm 1998 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Buk (nay là thị xã B), tỉnh Đ xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp T sản";

4/ Năm 2002 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp T sản" và 11 năm tù về tội "Cướp T sản";

5/ Năm 2017 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 03 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản". Ngày 18/8/2020 chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/8/2020 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Ông Lê Hồng Đ, sinh năm 1966, trú tại: Tổ 2, phường Trần Hưng Đạo, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phí Đại T, sinh năm 1993, trú tại: Tổ 9, thị trấn Đăk Đoa, huyện Đ, tỉnh G, vắng mặt;

2. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1979, trú tại: Tổ 1, thị trấn Kon Dơng,

huyện M, tỉnh G, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Thanh Thiên V, sinh năm 1989, trú tại: Tổ 2, phường Trần Hưng Đạo, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt;

2. Anh Lê Minh X, sinh năm 1988, trú tại: Tổ 1, phường Trần Hưng Đạo, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 23/8/2020 bị cáo Trần Đình Đ đến nhà ông Lê Hồng Điệp - Tổ 2, phường Trần Hưng Đạo, thành phố K chơi và ngủ lại. Khoảng 09 giờ ngày 24/8/2020 gia đình nhà ông Điệp đi làm vắng nhà, Đ phát hiện 02 con bò nhà ông Điệp đang cột sau vườn, nên nảy sinh trộm bán lấy tiền tiêu xài, Đ dùng điện thoại gọi cho anh Phí Đại T, hỏi có mua bò không, anh T hỏi Đ bò của ai, Đ nói bò của Đ, anh T đồng ý mua. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, anh T thuê anh Nguyễn Văn S điều khiển xe ô tô từ tỉnh Gia Lai lên nhà ông Điệp mua bò của Đ. Tại đây, Đ và anh T thỏa thuận giá 02 con bò là 35.000.000 đồng, chở bò đến thị trấn Đăk Đoa, huyện Đ, tỉnh G thì T sẽ giao tiền. Thỏa thuận xong, anh T vào trong nhà ông Điệp ngồi chờ, còn Đ và anh S ra sau vườn bắt bò lên xe ô tô thì 02 con bò chạy qua nhà anh Lê Văn Thiên V là hàng xóm của ông Điệp. Đ liền nói với anh S điều khiển xe ô tô qua nhà anh V để bắt bò. Khi Đ và anh S đưa được 01 con bò lê xe thì anh V bắt giữ Đ và anh S cùng 02 con bò. Nhân lúc sơ hở Đ bỏ trốn đến ngày 25/8/2020 bị bắt giữ.

Kết luận định giá T sản, kết luận: 02 con bò giá trị 46.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Đ từ 30 tháng đến 36 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người liên quan đã nhận lại T sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp T sản như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Lời nói sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa sau khi cải tạo không tái phạm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**Về tố tụng**:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến về hành vi, quyết định của

Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại và những người liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Tuy nhiên họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, họ cũng không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự. Việc vắng mặt của họ không trở ngại đến việc xét xử. HĐXX căn cứ Điều 292 của BLTTHS tiếp tục phiên tòa.

**Về nội dung**:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở khẳng định: Khoảng 09 giờ ngày 24/8/2020 bị cáo Trần Đình Đ đã lợi dụng thời điểm gia đình ông Đ không có ai ở nhà, sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ T sản, để thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 02 con bò của gia đình ông Đ, trị giá 46.000.000 đồng. Khi hai con bò bỏ chạy sang nhà hàng xóm, bị cáo đã đưa được một con bò lên xe, thì T sản là 02 con bò đã nằm ngoài tầm kiểm soát của chủ sử hữu, nên hành vi trộm cắp T sản của bị cáo đã hoàn thành. Do đó hành vi của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp T sản" theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại bản án số 92/2017/HS-St ngày 29/12/2017, TAND thành phố K đã xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản" với tình tiết định khung "Tái phạm nguy hiểm" chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" là tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Hành vi trộm cắp T sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sử hữu T sản hợp pháp của người khác, gây mất an ninh trên địa bàn thành phố K. Bị cáo đã nhiều lần bị kết án về các tội chiếm đoạt T sản, trong đó năm 2017 bị xử phạt 03 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt T sản", ngày 18/8/2020 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích, lại tiếp tục phạm tội, cho thấy thể hiện sự coi thường, bất chấp pháp luật.

[3] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, phạm tội chưa gây ra thiệt hại, T sản đã thu hồi trả lại chu chủ sở hữu, là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h,s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, căn cứ vào tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, xét thấy phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm minh, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Về vật chứng: Cơ quan CSĐT đã trả 01 xe ôtô BKS 81C-124.27; 02 con bò và 01 điện thoại di động Itel cho các chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại và người liên quan đã nhận lại T sản và không yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Tuyên bố bị cáo Trần Đình Đ phạm tội *"Trộm cắp T sản"*.

**2.** Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s, h khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đình Đ**: 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 25/8/2020.

**3.** *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Trần Đình Đ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

**4.** *Quyền kháng cáo*: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/12/2020); bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND Cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Công an TP KonTum;
- THA dân sự TP KonTum;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

(đã Ký)

**Nguyễn Xuân Hoài**